

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp tại Việt Nam.

Điều 3. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam

1. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam (Danh mục vật liệu nổ công nghiệp) bao gồm vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp mới chưa có trong Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (không bao gồm vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí) gửi văn bản đăng ký đến Bộ Công Thương để công nhận kết quả đăng ký, xem xét và bổ sung vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp. Mẫu văn bản đăng ký quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Việc thử nghiệm, nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp mới thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp QCVN 01:2012/BCT.
4. Vật liệu nổ công nghiệp thực hiện ghi nhãn theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu phải ghi tên vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được phép ghi thêm tên thương mại của sản phẩm.
5. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 4. Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
3. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
4. Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
5. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.
6. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

7. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

8. Giấy phép dịch vụ nổ mìn.

Điều 6. Thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi:

a) Giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 1, 2, 3, 8 Điều 5 của Thông tư này;

b) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hoặc các Bộ, ngành làm đại diện chủ sở hữu vốn, doanh nghiệp hoạt động dầu khí, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp hoặc tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học trừ tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Cục Hóa chất cấp, cấp đổi, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 5 của Thông tư này.

3. Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Sở Công Thương) cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn trừ các tổ chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Mẫu giấy phép, giấy chứng nhận theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Cơ sở dữ liệu) do Bộ Công Thương xây dựng, quản lý.

2. Việc cập nhật Cơ sở dữ liệu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả.

3. Việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phải đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

4. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu

1. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Công Thương, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật; tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.
2. Thiết kế cấu trúc Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm việc mở rộng và phát triển.
3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu bao gồm:
 - a) Hệ thống số hóa và tạo dựng nội dung số;
 - b) Hệ thống máy chủ (dịch vụ, quản trị);
 - c) Hệ thống sao lưu và lưu trữ dữ liệu;
 - d) Hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật thông tin;
 - đ) Hệ thống trang thiết bị phục vụ việc truy nhập, khai thác và cập nhật thông tin;
 - e) Hệ thống cơ sở phần mềm hạ tầng.

Điều 9. Quản lý Cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan thực hiện chức năng đầu mối thông tin của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện cập nhật thông tin của bộ, ngành, địa phương và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.
2. Các tổ chức được giao xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu thành phần phải kiểm tra, xác thực nội dung thông tin do các tổ chức đầu mối thông tin khoa học và công nghệ, các tổ chức và cá nhân khác cung cấp trước khi cập nhật vào Cơ sở dữ liệu; thực hiện việc cập nhật thông tin do mình quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

Điều 10. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu

1. Các tổ chức quy định tại Điều 20, 21 của Thông tư này được quyền khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo phân cấp.
2. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền tiếp cận và sử dụng miễn phí trên Cơ sở dữ liệu những thông tin sau:
 - a) Văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam, Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

c) Số liệu thống kê tổng hợp về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

d) Thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

3. Các tổ chức tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu được truy cập và khai thác Cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp đóng góp để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu của bộ, ngành và địa phương.

Điều 11. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu

Cơ quan quản lý và các cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm bố trí nhân lực, cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí thường xuyên cho việc duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu.

Điều 12. Vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu

Hoạt động vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp Cơ sở dữ liệu bao gồm các nội dung:

1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và môi trường tại trung tâm dữ liệu điện tử.
2. Thực hiện các biện pháp sao lưu để bảo đảm khả năng khôi phục hệ thống khi xảy ra sự cố. Dữ liệu sao lưu phải được bảo vệ an toàn, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử hệ thống từ dữ liệu sao lưu để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.
3. Thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm Cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục 24 giờ trong ngày.
4. Thực hiện hoạt động giám sát để cảnh báo các hành vi gây mất an toàn Cơ sở dữ liệu.
5. Thực hiện định kỳ rà soát, đề xuất phương án nâng cấp, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 13. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu

1. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước hoặc huy động từ các nguồn kinh phí khác.
2. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu bao gồm:

- a) Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu;
- b) Bảo đảm vận hành hệ thống mạng thông tin nghiên cứu và đào tạo phục vụ Cơ sở dữ liệu;
- c) Thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp thông tin vào Cơ sở dữ liệu;
- d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT, KINH DOANH, VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN, SỬ DỤNG VÀ TIÊU HỦY VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 14. Trách nhiệm chung

1. Tuân thủ quy định tại giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.
2. Thành lập bộ phận an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động. Bộ phận này do lãnh đạo trực tiếp điều hành, chỉ đạo và phân công người đủ trình độ, kinh nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện công tác kỹ thuật an toàn tại mỗi bộ phận, vị trí có nguy cơ cao về mất an toàn, tai nạn, sự cố, cháy, nổ.
3. Ban hành và niêm yết nội quy, quy định, quy trình bảo đảm an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ và bảo vệ môi trường; có biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy và chữa cháy.
4. Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ:
 - a) Tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại vật liệu nổ công nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy trong thời hạn 10 năm kể từ ngày thực hiện sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy;
 - b) Tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp phải bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thực hiện sản xuất mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy.
5. Tổ chức có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, Giấy phép dịch vụ nổ mìn do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp phải thông báo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ít nhất 10 ngày trước khi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn

1. Tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn theo nội dung quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn, tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải rà soát, cập nhật để đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn.

Điều 16. Phương án, hộ chiếu nổ mìn

1. Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Phương án nổ mìn theo nội dung quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và được lãnh đạo của tổ chức phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung của Phương án nổ mìn, tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Hộ chiếu nổ mìn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này cho mỗi lần nổ mìn.

Điều 17. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

1. Tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo nội dung quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải thể hiện đầy đủ các phương án xử lý tình huống khẩn cấp theo kết quả đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

3. Định kỳ hàng năm tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện luyện tập, diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp. Kết quả luyện tập, diễn tập được đánh giá và ghi chép để hoàn thiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

4. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến công tác ứng cứu khẩn cấp, tổ chức nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện rà soát, cập nhật, phê duyệt Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp để phù hợp với thực tiễn.

Điều 18. Báo cáo định kỳ

1. Báo cáo định kỳ trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

a) Tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu 1, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Sở Công Thương về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 05 tháng 01 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu 2, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tổ chức sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này và cơ quan được Bộ Quốc phòng giao quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

2. Báo cáo định kỳ trong hoạt động tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

a) Tổ chức sản xuất, kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Bộ Công Thương tình hình sản xuất, kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu 1, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tổ chức sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Sở Công Thương về tình hình sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trước ngày 05 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 05 tháng 01 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu 2, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tổ chức sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này và cơ quan được Bộ Quốc phòng giao quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 19. Báo cáo đột xuất

1. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp báo cáo đột xuất với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Báo cáo Công an cấp huyện và Sở Công Thương nơi tiến hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong vòng 24 giờ kể từ khi phát hiện: Xảy ra xâm nhập trái phép khu vực tồn trữ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, mất cắp, thất thoát hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Báo cáo Sở Công Thương nơi tiến hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong vòng 48 giờ khi chấm dứt hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện báo cáo theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này và cơ quan được Bộ Quốc phòng giao quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

3. Nội dung báo cáo đột xuất theo quy định tại Mẫu 4, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Chủ trì, tổ chức thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định pháp luật;

c) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

d) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh hoặc thu hồi giấy chứng nhận, giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

đ) Tổng hợp báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp của Sở Công Thương và tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; định kỳ tổng kết công tác quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công; đề xuất các giải pháp bảo đảm an toàn;

e) Quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục vật liệu nổ công nghiệp, Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

2. Cục Hóa chất

a) Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định pháp luật;

b) Cấp, cấp lại, cấp đổi, cấp điều chỉnh hoặc thu hồi giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này;

c) Chủ trì, tổ chức thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định pháp luật;

d) Định kỳ tổng kết công tác quản lý và báo cáo về công tác xuất khẩu, nhập khẩu và đầu tư, phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; tổ chức quản lý công tác nghiên cứu, chế thử và thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Tiếp nhận đăng ký vật liệu nổ công nghiệp mới để công nhận kết quả đăng ký, xem xét và bổ sung vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tiếp nhận, thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt đề án nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức khoa học và công nghệ hoặc tổ chức sản xuất vật liệu nổ công nghiệp thực hiện;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục vật liệu nổ công nghiệp.

4. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu;

b) Bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của địa phương thực hiện:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn theo quy định pháp luật;

b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn theo quy định pháp luật.

2. Cấp, cấp lại hoặc thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư này.

3. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

4. Báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Tình hình quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu 3, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Khi trên địa bàn quản lý xảy ra xâm nhập trái phép khu vực tồn trữ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, mất cắp, thất thoát hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong vòng 24 giờ theo quy định tại Mẫu 5, Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Bãi bỏ Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 26/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 45/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam; Thông tư số 61/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện và quy định cụ thể một số điều của Nghị định số

76/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3. Trong quá trình thực hiện, các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

4. Vật liệu nổ công nghiệp thuộc Danh mục được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BCT sản xuất trước ngày Thông tư này có hiệu lực được phép sử dụng tên vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BCT theo thời hạn sử dụng của vật liệu nổ công nghiệp.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các cơ quan, doanh nghiệp thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC I

DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH, SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

TT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật		Mã HS
		Đặc tính kỹ thuật	Chỉ tiêu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Thuốc nổ công nghiệp			
1	Thuốc nổ Amonit AD1	Khối lượng riêng, g/cm ³	0,95 ÷ 1,05	3602.00.00
		Độ ẩm, %	≤ 0,5	

		Tốc độ nổ, m/s	3.600 ÷ 4.200	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với thuốc nổ TNT tiêu chuẩn), %	120 ÷ 130	
		Độ nén trụ chì, mm	14 ÷ 16	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	≥ 4	
		Độ nhạy với kíp số 8	Nổ hết thuốc	
		Thời hạn bảo đảm, tháng	06	
2	Thuốc nổ TNP1	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,15 ± 0,05	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	4.000 ÷ 4.400	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với thuốc nổ TNT tiêu chuẩn), %	110 ÷ 115	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 12,5	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	6	
		Phương tiện kích nổ	Theo HDSD	
		Thời hạn sử dụng, tháng	06	
3	Thuốc nổ Anfo	Khối lượng riêng rời, g/cm ³	0,8 ÷ 0,95	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	3.000 ÷ 4.500	
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	300 ÷ 330	
		Độ nén trụ chì (đo trong ống thép), mm	≥ 15	
		Thời hạn sử dụng, tháng	03	
4	Thuốc nổ Anfo chịu nước	Khối lượng riêng rời, g/cm ³	0,85 ÷ 0,9	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	3.500 ÷ 3.800	
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	300 ÷ 310	
		Độ nén trụ chì (đo trong ống thép), mm	14 ÷ 17	
		Thời hạn sử dụng, tháng	03	
5	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,05 ÷ 1,35	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 3.800	

		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	≥ 101	
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	$280 \div 340$	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 14	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	≥ 4	
		Phương tiện kích nổ	Kíp nổ số 8	
		Thời hạn sử dụng, tháng	6	
		Thời gian chịu nước, giờ	≥ 12	
6	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên	Khối lượng riêng, g/cm ³	$1,20 \div 1,35$	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 5.500	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	$115 \div 125$	
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	≥ 330	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 15	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	≥ 4	
		Phương tiện kích nổ	Kíp nổ số 8	
		Thời hạn sử dụng, tháng	6	
		Thời gian chịu nước, giờ	≥ 12	
7	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ	Khối lượng riêng, g/cm ³	$1,05 \div 1,25$	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 4.000	
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	$300 \div 340$	
		Hoặc chuyển đổi tương đương sang phương pháp đo khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	$105 \div 120$	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 14	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	≥ 4	
		Khả năng chịu nước, giờ	≥ 12	

		Phương tiện kích nổ	Kíp nổ số 8	
		Thời hạn sử dụng, tháng	06	
8	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,00 ÷ 1,15	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 3.500	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với Anfo theo khối lượng), %	56 ÷ 61	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 8	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	≥ 2	
		Nổ an toàn trong môi trường có khí mê tan (Phương pháp B - TCVN 6570: 2005)	10 lần nổ không gây cháy nổ khí CH ₄	
		Phương tiện kích nổ	Kíp nổ số 8	
		Thời hạn sử dụng, tháng	06	
		Lượng khí độc sinh ra khi nổ (quy ra CO), lít/kg	≤ 150	
9	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,05 ÷ 1,25	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 3.400	
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml;	≥ 240	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	90 ÷ 110	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 12	
		Khoảng cách truyền nổ, cm	≥ 4	
		Nổ an toàn trong môi trường có khí mê tan (Phương pháp A- TCVN 6570: 2005)	10 lần nổ không gây cháy nổ khí CH ₄	
		Phương tiện kích nổ	Kíp nổ số 8	
		Thời hạn sử dụng, tháng	06	
		Lượng khí độc sinh ra khi nổ (quy ra CO), lít/kg	≤ 150	
10	Thuốc nổ nhũ tương rời	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,08 ÷ 1,29	3602.00.00
		Tốc độ nổ trong lỗ khoan, m/s	≥ 4.000	

		Phương tiện kích nổ	Mồi nổ	
11	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,08 ÷ 1,29	3602.00.00
		Tốc độ nổ trong lỗ khoan, m/s	≥ 4.000	
		Thời gian chịu nước (sâu ≥ 1 mét nước), giờ	≥ 4	
		Phương tiện kích nổ	Mồi nổ	
		Thời hạn sử dụng (bảo quản trong bao PP+PE), tháng	03	
12	Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp	Khối lượng riêng, g/cm ³	1,59 ÷ 1,70	3602.00.00
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	350 ÷ 390	
		Tốc độ nổ, m/s	7.200 ÷ 7.800	
		Độ nén trụ chì, mm	22 ÷ 24	
		Phương tiện kích nổ	Kíp số 8	
		Thời hạn sử dụng, tháng	60	
13	Mìn phá đá quá cỡ	Tốc độ nổ, m/s	3.600 ÷ 3.900	3602.00.00
		Khả năng sinh công bằng bom chì, ml	350 ÷ 360	
		Độ nén trụ chì, mm	13 ÷ 15	
		Phương tiện kích nổ	Theo HDSD	
		Thời hạn sử dụng, tháng	24	
14	Thuốc nổ Senatel Powersplit	Tỷ trọng danh định, g/cm ³	1,23	3602.00.00
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 6.500	
		Đường kính thổi thuốc, mm	26 hoặc 32	
		Thời hạn sử dụng (tối đa), tháng	18	
II	Phụ kiện nổ công nghiệp			
1	Kíp nổ đốt số 8	Cường độ nổ	Xuyên thùng tám chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì ≥ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Đường kính ngoài, mm	6,8 ÷ 7,1	
		Chiều dài kíp, mm	38 ÷ 40	

		Thời hạn sử dụng, tháng	24	
2	Kíp nổ điện số 8	Cường độ nổ	Xuyên thùng tám chì dây 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Đường kính ngoài, mm	6,8 ÷ 7,1	
		Chiều dài kíp, mm	46 ÷ 48	
		Dòng điện bảo đảm nổ, A	1,0	
		Dòng điện an toàn trong 5 phút, A	0,05	
		Điện trở (loại dây dẫn 1,9m ÷ 2,1m), Ω	2,0 ÷ 4,0	
		Thời hạn sử dụng, tháng	24	
		Khả năng chịu chấn động thử bằng máy chấn động chuyên dụng	Kíp không nổ, không hư hỏng kết cấu	
3	Kíp nổ điện vi sai	Cường độ nổ	Xuyên thùng tám chì dây 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Đường kính ngoài, mm	7,0 ÷ 7,3	
		- Chiều dài kíp, mm + Từ số 1 ÷ số 8 + Số 9, 10, 11, 13, 14, 15, 18, 19, 20 + Số 12, 16, 17	 62 ± 1 65 ± 1 70 ± 1	
		Chiều dài dây dẫn	1,9m ÷ 2,1m hoặc theo đặt hàng	
		Điện trở (loại dây dẫn 1,9m- 2,1m), Ω	2,0 ÷ 3,2	
		Dòng điện bảo đảm nổ, A	1,2	
		Dòng điện an toàn trong 5 phút, A	0,18	
		Số vi sai	20 số	
		Thời gian giữ chậm, ms	25, 50, 75, 100, 125, 150, 200, 250, 325, 400,	

			500, 600, 700, 800, 900, 1000, 1125, 1250, 1400, 1550	
		Thời hạn sử dụng, tháng	24	
		Khả năng chịu chấn động thử bằng máy chấn động chuyên dụng	Kíp không nổ, không hư hỏng kết cấu	
4	Kíp nổ điện vi sai an toàn	Cường độ nổ	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Đường kính ngoài, mm	7,0 ÷ 7,3	
		Chiều dài kíp, mm	57 ÷ 59	
		Chiều dài dây dẫn	1,9m ÷ 2,1m hoặc theo đặt hàng	
		Điện trở (loại dây dẫn 1,9m ÷ 2,1m), Ω	2,0 ÷ 3,2	
		Dòng điện bảo đảm nổ, A	1,2	
		Dòng điện an toàn trong 5 phút, A	0,18	
		Số vi sai	06 số	
		Khả năng an toàn trong môi trường khí mê tan (không gây cháy, nổ khí mê tan)	50 kíp không gây cháy, nổ môi trường $(9 \pm 1)\%$ khí mê tan, phù hợp TCVN 6911:2005	
		Thời gian giữ chậm, ms	(25, 50, 75, 100, 125, 150)	
		Thời hạn sử dụng, tháng	24	
		Khả năng chịu chấn động thử bằng máy chấn động chuyên dụng	Kíp không nổ, không hư hỏng kết cấu	
5	Kíp nổ vi sai an toàn Carrick-8	Cường độ nổ	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Số vi sai	08 số	
		Khả năng an toàn trong môi trường khí mê tan (không	50 kíp không gây cháy, nổ môi trường $(9 \pm 1)\%$	

		gây cháy, nổ khí mê tan)	khí mê tan, phù hợp TCVN 6911:2005	
		Độ bền kéo, N	600	
		Thời hạn sử dụng, tháng	48	
6	Kíp nổ vi sai phi điện	Cường độ nổ dùng cho mở hầm lò/đường hầm không có khí bụi nổ và 01 số đặc biệt loại 400ms	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Cường độ nổ dùng cho 04 số kíp đặc biệt loại 17, 25, 42, 100 ms	Xuyên thủng tấm chì dày 2 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	
		Đường kính ngoài, mm	$7,0 \div 7,3$	
		Đường kính ngoài dây dẫn nổ, mm	$3,0 \pm 0,2$	
		Tốc độ dẫn nổ, m/s	≥ 1.600	
		Độ bền mối ghép miệng (chịu lực kéo tĩnh trong thời gian 01 phút, dây dẫn tín hiệu không được tụt khỏi nút cao su hoặc xê dịch mắt thường nhìn thấy), Kg	2,0	
		- Số vi sai và ứng dụng + Dùng cho mở hầm lò/đường hầm không có khí bụi nổ + Dùng cho nổ lộ thiên	36 số 05 số đặc biệt	
		Thời gian giữ chậm của 36 số kíp, ms	25, 50, 75, 100, 125, 150, 175, 200, 250, 300, 350, 400, 450, 500, 600, 700, 800, 900, 1025, 1125, 1225, 1440, 1675, 1950, 2275, 2650, 3050, 3450, 3900, 4350, 4600, 5500, 6400, 7400, 8500, 9600	
		Thời gian giữ chậm (05 số kíp đặc biệt), ms	17, 25, 42, 100, 400	
7	Kíp vi sai phi điện	Cường độ nổ	Xuyên thủng tấm chì	3603.00.10

	MS 15 số		dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chỉ $\geq$ đường kính ngoài của kíp	
		Đường kính dây dẫn nổ, mm	$3,0 \pm 0,2$	
		Tốc độ dẫn nổ, m/s	≥ 1.600	
		Độ bền mối ghép miệng (chịu lực kéo tĩnh trong thời gian 01 phút, dây dẫn tín hiệu không được tụt khỏi nút cao su hoặc xô dịch mắt thường nhìn thấy), Kg	2,0	
		Chiều dài dây dẫn nổ, m	$2,4 \div 6,1$ hoặc theo đặt hàng	
		Đường kính ngoài kíp, mm	$7,0 \div 7,35$	
		Khả năng chịu nước, độ sâu 20m (tương đương 2atm), giờ	8	
		Số kíp vi sai	15	
		Thời gian giữ chậm, ms	25; 50; 75; 100; 125; 150; 175; 200; 225; 250; 275; 300; 325; 350; 375	
8	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP	Cường độ nổ	Xuyên thùng tám chỉ dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chỉ $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Đường kính dây dẫn nổ, mm	$3,0 \pm 0,2$	
		Tốc độ dẫn nổ, m/s	≥ 1.600	
		Độ bền mối ghép miệng (chịu lực kéo tĩnh trong thời gian 01 phút, dây dẫn tín hiệu không được tụt khỏi nút cao su hoặc xô dịch mắt thường nhìn thấy), Kg	2,0	
		Chiều dài dây dẫn nổ, m	$2,4 \div 6,1$ hoặc theo đặt hàng	
		Đường kính ngoài kíp, mm	$7,0 \div 7,3$	
		Khả năng chịu nước, độ sâu 20 m (tương đương 2 atm), giờ	24	

		Số kíp vi sai	15	
		Thời gian giữ chậm (s)	0,2; 0,4; 0,6; 1; 1,4; 1,8; 2,4; 3,0; 3,8; 4,6; 5,5; 6,4; 7,4; 8,5; 9,6	
9	Kíp nổ vi sai phi điện an toàn sử dụng trong mỏ hầm lò có khí Mêtan	Cường độ nổ	Xuyên thủng tấm chì dày 6 mm, đường kính lỗ xuyên chì $\geq$ đường kính ngoài của kíp	3603.00.10
		Đường kính ngoài dây dẫn nổ, mm	$3,0 \pm 0,2$	
		Tốc độ dẫn nổ, m/s	≥ 1.600	
		Độ bền mối ghép miệng (chịu lực kéo tĩnh trong thời gian 01 phút, dây dẫn tín hiệu không được tụt khỏi nút cao su hoặc xô dịch mắt thường nhìn thấy), kg	2,0	
		Chiều dài dây dẫn nổ, m	$2,4 \div 6,1$ hoặc theo đặt hàng	
		Số vi sai	10 số	
		Khả năng an toàn trong môi trường khí mê tan (không gây cháy, nổ khí mê tan)	50 kíp không gây cháy, nổ môi trường $(9 \pm 1)\%$ khí mê tan, phù hợp TCVN 6911:2005	
		Thời gian giữ chậm, ms	25; 50; 75; 100; 125; 150; 200; 250; 300; 400	
		Điều kiện sử dụng	Sử dụng cho mỏ hầm lò có khí nổ	
10	Kíp nổ điện tử Uni tronic 600	Độ bền kéo, Kg/lbs	20 kg/44 lbs	3603.00.10
		Trọng lượng thuốc nổ nạp, mg	900	
		Đường kính vỏ, mm	76	
		Độ dài tiêu chuẩn, mm	89	
		Lập trình, ms	± 1	
		Vi sai tối đa, s	10	
		Độ chính xác theo hệ số biến thiên, %	$\pm 0,03$	

		Thời hạn sử dụng (tối đa), tháng	60	
11	Dây dẫn tín hiệu nổ	Tốc độ truyền tín hiệu, m/s	≥ 1.600	3603.00.90
		Thời hạn sử dụng, tháng	24	
12	Dây cháy chậm công nghiệp	Tốc độ cháy, s/m	100 ÷ 125	3603.00.20
		Đường kính ngoài của dây, mm	$5,3 \pm 0,3$	
		Đường kính lõi thuốc, mm	$\geq 2,5$	
		Thời gian chịu nước, giờ	2	
13	Dây nổ chịu nước 5, 6, 10, 12, 40, 70g/m	- Đường kính ngoài danh định, mm		3603.00.90
		+ Loại 5g/m	4,0	
		+ Loại 6g/m	3,6	
		+ Loại 10 g/m	4,8	
		+ Loại 12 g/m	5,8	
		+ Loại 40g/m	7,8	
		+ Loại 70g/m	11,0	
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 6.500	
		Độ bền kéo, N	500	
		Thời gian chịu nước (ở độ sâu 1m), giờ	24	
		- Mật độ thuốc, g/m		
		+ Loại 5g/m	5 ± 1	
		+ Loại 6g/m	6 ± 1	
		+ Loại 10 g/m	10 ± 1	
		+ Loại 12 g/m	12 ± 1	
		+ Loại 40 g/m	40 ± 3	
		+ Loại 70 g/m	70 ± 5	
		Khả năng tác động của nhiệt độ, giờ		
		+ Tại nhiệt độ $-35^{\circ}\text{C} \pm 3^{\circ}\text{C}$	2	
		+ Tại nhiệt độ $55^{\circ}\text{C} \pm 3^{\circ}\text{C}$	6	

		Thời hạn sử dụng, tháng	48	
14	Dây nổ thường	Đường kính ngoài, mm	4,8 ÷ 6,2	3603.00.90
		Tốc độ nổ, m/s	≥ 6.500	
		Độ bền kéo, N	500	
		Khả năng chịu nước, giờ	24	
		Mật độ thuốc, g/m	10 ± 1	
15	Dây dẫn tín hiệu Conectadets	Độ bền kéo, N	570	3603.00.90
		Độ dài tiêu chuẩn	3,6; 4,9; 6,1; 9,0; 12; 15; 18	
		Thuốc nạp khởi nổ	190 mg (Azit chì)	
		Đường kính ngoài, mm	3,0	
III Thuốc nổ mạnh				
1	Hexogen (G, DX, T4, Cyclotrimethylen - trinitramin) - Công thức hóa học - C ₃ H ₆ N ₆ O ₆ - C ₆ H ₂ N ₆ N ₃ (NO ₂) ₃	Nhiệt độ nóng chảy, °C	≥ 200	3602.00.00
		Độ axit		
		- Tính theo axit Nitric, %	≤ 0,05	
		- Tính theo axit Sunphuric, %	≤ 0,05	
		Hàm lượng tạp chất không tan trong axêton, %	≤ 0,15	
		Hàm lượng tro, %	≤ 0,05	
		Độ nhạy va đập bằng phương pháp Cast, %	40 ÷ 84	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	140 ÷ 150	
		Độ nén trụ chì, mm	≥ 15,5	
		Tốc độ nổ ở mật độ nén 1,60g/cm ³ , m/s	8.100 ± 200	
2	Trinitrotoluen (TNT) Công thức hóa học - C ₆ H ₂ (NO ₂) ₃ CH ₃	Nhiệt độ nóng chảy, °C	≥ 80	3602.00.00
		Độ axit (tính theo axit Sunphuric), %	≤ 0,01	
		Hàm lượng nước và các chất dễ bay hơi, %	≤ 0,1	
		Cặn không tan trong Axêton,	≤ 0,1	

		%		
		Khả năng sinh công bằng cách đo độ dẫn bom chì, ml	≥ 280	
		Hoặc chuyển đổi tương đương sang phương pháp đo khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật, mm	≥ 280	
		Tốc độ nổ ở mật độ nén $1,60\text{g/cm}^3$, m/s	7.000 ± 200	
3	Octogen (HMX - Cyclotetramethylene tetratramine, Homocyclonit) Công thức hóa học - $\text{C}_4\text{H}_8\text{N}_8\text{O}_8$	Nhiệt độ nóng chảy, °C	$^3 270$	3602.00.00
		Độ axit (tính theo axit axetic), %	$\leq 0,05$	
		Các chất không tan trong axêton, %	$\leq 0,25$	
		Độ nhạy va đập (búa 10 kg rơi ở độ cao 25 cm), %	$88 \div 100$	
		Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	$^3 135$	
		Tốc độ nổ ở mật độ nén $1,32\text{g/cm}^3$, m/s	$^3 7.200$	
4	Pentrit (Pentaerythrol-tetranitrate, Tetranitropentaeritrit, Corpent, PENT hoặc TEN) Công thức hóa học - $\text{C}(\text{CH}_2\text{ONO}_2)_4$ - $\text{C}_5\text{H}_8(\text{ONO}_2)$	Nhiệt độ nóng chảy, °C	≥ 139	3602.00.00
		Độ axit (tính theo axit Sunphuric hoặc axit Nitric) hoặc độ kiềm (tính theo NaOH) %	$\leq 0,01$	
		Hàm lượng cặn không tan trong axeton, %		
		- Chưa thuần hóa	$\leq 0,08$	
		- Đã thuần hóa	$\leq 0,1$	
		Hàm lượng tro, %		
		- Chưa thuần hóa	$\leq 0,04$	
		- Đã thuần hóa	$\leq 0,1$	
		Hàm lượng các chất vô cơ	$\leq 0,01$	
		Độ nhạy va đập bằng phương pháp Cast, %	100	

		Khả năng sinh công bằng phương pháp con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn), %	≥ 135	
		Tốc độ nổ ở mật độ nén 1,60g/cm ³ , m/s	≥ 7.900	

PHỤ LỤC II

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ BỔ SUNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP MỚI VÀO DANH MỤC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đăng ký bổ sung VLNCN
mới vào Danh mục VLNCN
được phép sản xuất, kinh doanh,
sử dụng tại Việt Nam

.....⁽²⁾, ngày tháng ... năm

Kính gửi: Bộ Công Thương

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... đề nghị Bộ Công Thương công nhận kết quả đăng ký và xem xét, bổ sung vật liệu nổ công nghiệp mới vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam với nội dung sau:

1. Tên vật liệu nổ công nghiệp:
2. Bản chỉ tiêu kỹ thuật bằng tiếng Việt, mô tả chi tiết về đặc tính, công dụng, hướng dẫn sử dụng của vật liệu nổ công nghiệp mới.
3. Hồ sơ thiết kế bao gói, quy cách sản phẩm.
4. Bản công bố hợp quy hoặc hợp chuẩn theo quy định.
5. Kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của tổ chức thử nghiệm được chỉ định và kết quả thử nổ công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁴⁾.....;
- Lưu:⁽⁵⁾.....,

.....⁽³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾- Tên tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽²⁾- Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽³⁾- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽⁴⁾- Tên các tổ chức có liên quan;
- ⁽⁵⁾- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

TT	Tên tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp	Công thức phân tử	Mã CAS	Mã HS
1	Amoni Nitrat $\geq 98,5\%$	NH_4NO_3	6484-52-2	3102.30.00
2	Nitro Metan $\geq 96\%$	CH_3NO_2	72-52-5	2904.20.90
3	Natri Nitrat $\geq 98,5\%$	NaNO_3	7631-99-4	2834.29.90
4	Kali Nitrat $\geq 98,5\%$	KNO_3	7757-79-1	2834.21.00
5	Natri Clorat $\geq 84,0\%$	NaClO_3	7775-09-9	2829.11.00
6	Kali Clorat $\geq 98,5\%$	KClO_3	3811-04-9	2829.19.00
7	Kali Perclorat $\geq 98,5\%$	KClO_4	7778-74-7	2829.90.90

PHỤ LỤC IV

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ, GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Mẫu 1. Giấy đề nghị

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾, ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Tên doanh nghiệp:.....

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Do cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:

Đăng ký kinh doanh số Do cấp ngày tháng ... năm 20 ...

Đề nghị cấp:⁽³⁾

Mục đích:

Phạm vi, địa điểm:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam (Nữ).....

Chức danh (Giám đốc/Chủ doanh nghiệp):

Địa chỉ thường trú (hoặc tạm trú):

Đề nghị⁽⁴⁾ xem xét và cấp⁽³⁾ cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Nh-ư trên;
- L-ưu:

.....⁽⁵⁾
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính;
- (3) Loại hình cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);
- (4) Cơ quan cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu 2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN
VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG
NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-ATMT

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT⁽¹⁾.....

CỤC TRƯỞNG

CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của⁽²⁾.....;

Theo đề nghị của⁽³⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận dây chuyền sản xuất⁽¹⁾..... của

.....⁽²⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do.....⁽⁴⁾..... cấp
ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽⁵⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Đủ điều kiện sản xuất⁽¹⁾.....

Điều 2. Điều kiện sản xuất

- Địa điểm sản xuất:.....;

- Loại⁽¹⁾.....:⁽⁶⁾.....;

- Công suất:;

- Điều kiện khác:

Điều 3.⁽²⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;.....⁽⁷⁾..... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽²⁾....;
-⁽⁸⁾....;
- Lưu:⁽⁹⁾....,

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Loại hàng hóa sản xuất (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);
- (2) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (3) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (4) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (5) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (6) - Tên vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp theo Danh mục;
- (7) - Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);
- (8) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (9) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 3. Giấy phép kinh doanh

BỘ CÔNG THƯƠNG
.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....⁽²⁾.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP KINH DOANH⁽³⁾

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của⁽⁵⁾

Theo đề nghị của⁽⁶⁾

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽⁵⁾

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽⁷⁾ cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽⁸⁾

Điện thoại: ; Fax:

Được kinh doanh⁽³⁾

Điều 2. Điều kiện kinh doanh

1.⁽⁹⁾

2. Các đơn vị trực thuộc tổ chức được cấp phép (phụ lục kèm theo);

3. Các điều kiện khác (phạm vi, các hạn chế về kinh doanh...).

Điều 3......⁽⁵⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT

ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;⁽¹⁰⁾..... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽⁵⁾.....;
-⁽¹²⁾.....;
- Lưu:⁽¹³⁾.....,

.....⁽¹¹⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ - Tên cơ quan cấp phép;
- ⁽²⁾ - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;
- ⁽³⁾ - Tên hàng hóa được phép kinh doanh (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp);
- ⁽⁴⁾ - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- ⁽⁵⁾ - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- ⁽⁶⁾ - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- ⁽⁷⁾ - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ⁽⁸⁾ - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ⁽⁹⁾ - Chứng loại, tên hàng hóa được kinh doanh (Ví dụ: Chỉ được kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp thuộc danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam; Amoni Nitrat);
- ⁽¹⁰⁾ - Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 02:2008/BCT);
- ⁽¹¹⁾ - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽¹²⁾ - Tên các tổ chức có liên quan;

⁽¹³⁾ - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 4. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC HÓA CHẤT**

Số: /GP-HC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP⁽¹⁾

CỤC TRƯỞNG CỤC HÓA CHẤT

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của⁽²⁾

Theo đề nghị của⁽³⁾

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽²⁾

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽⁴⁾ cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽⁵⁾

Điện thoại: ; Fax:

Được⁽¹⁾

Điều 2. Điều kiện⁽¹⁾

1. Chung loại, số lượng.....⁽⁶⁾..... (phụ lục kèm theo);
2. Tên cửa khẩu⁽¹⁾..... :
3. Phương tiện vận chuyển:
4. Thời gian: từ ngày đến ngày tháng năm 20....

Điều 3.⁽²⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;.....⁽⁷⁾..... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽²⁾.....;
-⁽⁸⁾.....;
- Lưu:⁽⁹⁾.....,

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾ - Tên loại hình hoạt động (Ví dụ: Xuất khẩu hoặc nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, xuất khẩu hoặc nhập khẩu tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);
- ⁽²⁾ - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- ⁽³⁾ - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- ⁽⁴⁾ - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ⁽⁵⁾ - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ⁽⁶⁾ - Loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Ví dụ: Vật liệu nổ công nghiệp);

⁽⁷⁾ - Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 01:2012/BCT);

⁽⁸⁾ - Tên các tổ chức có liên quan;

⁽⁹⁾ - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 5. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

..... ⁽¹⁾	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... ⁽²⁾	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----	-----
Số: /..... ⁽³⁾	 ⁽⁴⁾ ..., ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

.....⁽⁵⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của⁽⁶⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁷⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽⁶⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽⁸⁾ cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽⁹⁾

Điện thoại: ; Fax:

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để⁽¹⁰⁾

Điều 2. Điều kiện sử dụng

1. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....

2. Chúng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng:

3. Điều kiện khác: Lượng thuốc nổ trong một lần sử dụng, phương pháp điều khiển nổ, khoảng cách an toàn, thời điểm nổ mìn vv...).

4.⁽⁶⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;⁽¹¹⁾ và những quy định pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày tháng ... năm 20..../.

Nơi nhận:

-⁽⁶⁾
-⁽¹³⁾
- Lưu:⁽¹⁴⁾

.....⁽¹²⁾
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp phép (Ví dụ: Bộ Công Thương, UBND tỉnh...);
- (2) - Tên cơ quan cấp phép;
- (3) - Tên viết tắt của cơ quan cấp phép;

- (4) - Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính;
- (5) - Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép;
- (6) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (7) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (8) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (9) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (10) - Mục đích sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đề: Khai thác, xây dựng công trình, thử nghiệm;
- (11) - Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 02:20108/BCT);
- (12) - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (13) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (14) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

Mẫu 6. Giấy phép Dịch vụ nổ mìn

**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN
VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG
NGHIỆP**

Số: /GP-ATMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP DỊCH VỤ NỔ Mìn

CỤC TRƯỞNG

CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của⁽¹⁾.....;

Theo đề nghị của⁽²⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽¹⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: do⁽³⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽⁴⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 2. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạm vi hoạt động:.....;

2. Điều kiện khác:

3.⁽¹⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;.....⁽⁵⁾..... và những quy định pháp luật liên quan; thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước khi thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày tháng ... năm 20.../.

Nơi nhận:

-⁽¹⁾.....;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) - Tên tổ chức được cấp giấy phép;
- (2) - Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- (3) - Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (4) - Địa chỉ được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- (5) - Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 02:2008/BCT);
- (6) - Tên các tổ chức có liên quan;
- (7) - Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm)

Nền màu xanh cốm nhạt, giữa có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Phông chữ, cỡ chữ theo quy định tại Quyết định số 4268/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy định về thể thức, kỹ thuật trình bày và mẫu các loại văn bản của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC V

NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ RỦI RO VỀ AN TOÀN
Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018

1. Mục đích

- a) Nhận diện các mối nguy hiểm;
- b) Đánh giá rủi ro trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

2. Phạm vi công việc: Đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp để loại trừ, giảm thiểu rủi ro.

3. Tài liệu liên quan

4. Từ viết tắt thông dụng, các thuật ngữ

5. Xác định mối nguy

Xác định tất cả các loại nguy hiểm (yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại), nguồn gốc và nguyên nhân gây ra các nguy hiểm đó cũng như hậu quả có thể xảy ra của nó đối với con người tại tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp cũng như những người không thuộc tổ chức nhưng hiện diện trong khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy.

Các nội dung cần phải xem xét đến khi xác định mối nguy gồm:

- a) Các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên;
- b) Các hoạt động của những người có khả năng tiếp cận đến khu vực nghiên cứu, sản xuất, bảo quản, sử dụng, tiêu hủy;
- c) Các hành vi, khả năng và các nhân tố liên quan đến con người khác;
- d) Xác định các mối nguy bắt nguồn từ bên ngoài nơi làm việc mà có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn của những người chịu ảnh hưởng kiểm soát của tổ chức trong phạm vi nơi làm việc;
- đ) Các mối nguy do hoạt động dưới sự kiểm soát của tổ chức tạo ra trong vùng lân cận của nơi làm việc;
- e) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và vật liệu tại nơi làm việc do tổ chức hay người khác cung cấp;
- g) Các thay đổi hay đề xuất thay đổi trong tổ chức, đối với các hoạt động, hay vật tư;
- h) Các điều chỉnh đối với hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường bao gồm các thay đổi mang tính tạm thời và ảnh hưởng của chúng đối với việc điều hành, các quá trình và các hoạt động;
- k) Việc thiết kế khu vực làm việc, các quá trình, việc lắp đặt, máy, thiết bị, các thủ tục điều hành và tổ chức công việc, bao gồm việc thích ứng với khả năng của con người.

6. Đánh giá rủi ro

a) Xác định các giải pháp kiểm soát các mối nguy hiểm có sẵn

- Các giải pháp phải là giải pháp đã được thực hiện trong thực tế, đã được ban hành trong nội quy, quy trình, quy định về an toàn, phiếu công tác..., không phải là giải pháp mà người đánh giá đặt ra trong quá trình đánh giá.

- Yêu cầu các giải pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn phải được liệt kê: Ngắn gọn, chính xác, đầy đủ và càng cụ thể càng tốt. Cũng cần xem xét hiệu quả của các giải pháp có sẵn trong thực tế.

b) Đánh giá hậu quả của các mối nguy hiểm đã được xác định

Hậu quả là mức độ của chấn thương hoặc thiệt hại gây ra bởi tai nạn/sự cố, ốm đau từ mối nguy hiểm tại nơi làm việc. Hậu quả có thể được chia làm nhiều loại khác nhau dựa trên mức độ sự cố, thương tật. Ví dụ:

Hậu quả	Mô tả
Nhẹ	<i>Không chấn thương, chấn thương hoặc ốm đau chỉ yêu cầu sơ cứu (bao gồm các vết đứt và trầy xước nhỏ, sưng tấy, ốm đau với lo lắng tạm thời)</i>
Trung bình	<i>Chấn thương yêu cầu điều trị y tế hoặc ốm đau dẫn đến ốm yếu tàn tật (bao gồm vết rách, bong, bong gân, gãy nhỏ, viêm da, điếc, ...)</i>
Nặng	<i>Chết người, chấn thương trầm trọng hoặc bệnh nghề nghiệp có thể làm chết người (bao gồm cụt chân tay, gãy xương lớn, đa chấn thương, ung thư nghề nghiệp, nhiễm độc cấp tính và chết người)</i>

Hoặc chia thành 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
A	Thảm khốc	Tử vong
B	Cao	Thương tật nghiêm trọng vĩnh viễn
C	Trung bình	Cần điều trị y tế, mất ngày công
D	Nhẹ	Điều trị y tế (có thể quay lại làm việc)
E	Không đáng kể	Điều trị sơ cứu (có thể quay lại làm việc)

c) Xác định khả năng xuất hiện của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm

Bên cạnh việc xác định hậu quả có thể xảy ra đối với mỗi mối nguy hiểm, cần thiết phải xác định khả năng xuất hiện (hay tần suất) của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm.

Ví dụ tại bảng sau, việc xác định khả năng xảy ra được chia làm 3 mức: ít, thỉnh thoảng, hay xảy ra.

Khả năng xảy ra	Mô tả
Hiếm khi	Ít có khả năng xuất hiện
Thỉnh thoảng	Có thể hoặc đã biết xuất hiện
Thường xuyên	Xuất hiện thông thường hoặc lặp lại

Hoặc có thể chia làm 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
Gần như chắc chắn	Sẽ xảy ra ít nhất một lần trong năm	Khả năng thường xuyên xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc rất thường xuyên xảy ra trong hoạt động với số lượng lớn của các thành phần tương tự.
Có khả năng xảy ra	Một lần trong 5 năm	Khả năng xảy ra vài lần trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống trong hoạt động với số lớn của các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/500 người thực hiện công việc.
Có thể xảy ra	Một lần trong 10 năm	Khả năng đôi khi xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc được trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời với số lượng lớn các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/ 50 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 người thực hiện công việc.
Ít khi xảy ra	Một lần trong 15 năm	Đôi khi có thể xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời của một số lớn các thành phần tương tự. Hoặc xảy ra với xác suất 1/100 000 lần thực hiện công việc.

		Hoặc xảy ra với xác suất 1/10 000 người thực hiện công việc.
Hiếm khi xảy ra	Không trông đợi có thể xảy ra trong vòng đời của hoạt động	Không chắc có thể xảy ra trong vòng đời của một cá thể hoặc hệ thống mà nó chỉ có thể bằng cách giả định chứ không phải bằng trải nghiệm. Hiếm khi xảy ra trong đời của một số lớn thành phần tương tự.

d) Đánh giá mức rủi ro dựa trên hậu quả và khả năng xảy ra. Lựa chọn ma trận rủi ro

Sau khi xác định các biện pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn, khả năng xảy ra và hậu quả của mối nguy hiểm, việc đánh giá mức độ rủi ro được thực hiện bằng cách sử dụng ma trận rủi ro.

Mức rủi ro được phân loại thành thấp, trung bình và cao và tùy thuộc vào sự kết hợp giữa hậu quả và khả năng xảy ra.

Ví dụ về ma trận xác định mức rủi ro 3x3

Khả năng xảy ra	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
Hậu quả			
Nặng	Trung bình	Cao	Cao
Trung bình	Thấp	Trung bình	Cao
Nhẹ	Thấp	Thấp	Trung bình

Ví dụ ma trận xác định mức rủi ro 5x 5:

Ma trận đánh giá rủi ro được sử dụng để phân loại rủi ro trong đánh giá này được trình bày như trong hình dưới đây.

	E	D	C	B	A	
Gần như chắc chắn (1)	15	10	6	3	1	Rủi ro cực cao
Có khả năng xảy ra (2)	19	14	9	5	2	Rủi ro cao
Có thể xảy ra (3)	22	18	13	8	4	Rủi ro trung bình

Ít khi xảy ra (4)	24	21	17	12	7	 Rủi ro thấp
Hiếm khi xảy ra (5)	25	23	20	16	11	

- Vùng màu xanh (từ 21 đến 25) là vùng rủi ro thấp - chấp nhận rộng rãi. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu xanh (từ 17 đến 20) là vùng rủi ro trung bình - chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu vàng (từ 9 đến 16) là vùng rủi ro phải được giảm thiểu xuống mức thấp nhất phù hợp thực tế. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này cần cân nhắc giảm rủi ro tới một mức mà nếu áp dụng thêm các biện pháp giảm rủi ro thì sẽ không hiệu quả hoặc thiếu thực tế.

- Vùng màu đỏ (từ 1 đến 8) là vùng rủi ro cao - không chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này thì phải dừng hoạt động và áp dụng bổ sung các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

7. Giải pháp kiểm soát rủi ro

Các biện pháp kiểm soát rủi ro phải được bắt đầu với mục tiêu loại trừ hoàn toàn rủi ro. Nếu điều này không thể đạt được, thì quá trình giảm thiểu phải được thực hiện theo một thứ tự quy định nhằm giảm thiểu rủi ro tới mức độ thấp nhất có thể được trong thực tế (ALARP) hoặc mức độ có thể chấp nhận được. Các biện pháp kiểm soát được xem xét theo thứ tự ưu tiên bao gồm:

- Loại bỏ từ nguồn;
- Thay thế;
- Giảm thiểu rủi ro;
- Kiểm soát có quy trình và năng lực nhân viên;
- Kiểm soát hành chính;
- Kế hoạch và năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp, biện pháp kiểm soát khi có sự cố.

8. Kết luận và kiến nghị

PHỤ LỤC VI

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN NỔ Mìn
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN

- Trích dẫn các Quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và thiết kế xây dựng, khai thác... làm căn cứ để lập phương án;
- Quy mô xây dựng hoặc khai thác; tiến độ hoặc năng suất khai thác ngày, tháng, quý, năm;
- Sơ lược về phương pháp xây dựng, khai thác; thiết bị, nhân công;
- Giải thích từ ngữ, các cụm từ viết tắt (nếu có).

II. ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC NỔ Mìn

- Vị trí khu vực nổ mìn, cao độ, giới hạn toạ độ kèm theo bản đồ địa hình;
- Mô tả về đặc điểm dân cư, công trình, nhà không thuộc quyền sở hữu của tổ chức sử dụng VLNCN trong phạm vi bán kính 1000 m kể từ vị trí nổ mìn (kể cả các công trình ngầm);
- Đặc điểm đất đá khu vực nổ mìn (các đặc tính cơ lý σ_n , σ_k , f) hoặc điều kiện địa chất, môi trường khác (nước, bùn...);
- Hướng, trình tự khai thác, thay đổi về điều kiện địa chất, địa hình theo chu kỳ khai thác và ảnh hưởng có thể có đến công tác nổ mìn; ảnh hưởng đến các công trình, nhà dân xung quanh.

III. TÍNH TOÁN, LỰA CHỌN CÁC THÔNG SỐ KHOAN NỔ Mìn

- Lựa chọn đường kính lỗ khoan, chiều cao tầng H (nếu đào hầm lò thì lựa chọn chiều dài một bước đào), đường căn chân tầng;
- Lựa chọn chiều sâu lỗ khoan;
- Lựa chọn chỉ tiêu thuốc nổ tính toán;
- Lựa chọn phương pháp nổ mìn;
- Lựa chọn vật liệu nổ công nghiệp;
- Khối lượng thuốc nổ tức thời lớn nhất;
- Xác định các thông số khoảng cách lỗ, góc nghiêng lỗ khoan;
- Xác định lượng thuốc nạp cho một lỗ khoan tương ứng với chiều sâu lỗ khoan bảo đảm điều kiện an toàn về bụi;

- Lựa chọn cấu trúc cột thuốc nổ trong lỗ khoan;
- Tính toán, lựa chọn thông số khoan nổ mìn, tạo biên (nếu có);
- Tính toán về an toàn (chấn động, sóng không khí và đá văng) xác định quy mô một lần nổ (kg);
- Lựa chọn khoảng cách an toàn cho người, thiết bị;
- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng tháng;
- Dự kiến số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng quý;
- Dự kiến tổng số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng để thi công công trình.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI NỔ MÌN

- Biện pháp an toàn khi bốc dỡ, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;
- Biện pháp an toàn khi nạp mìn;
- Biện pháp che chắn bảo vệ chống đá văng (nếu có);
- Quy định các tín hiệu cảnh báo an toàn và giờ nổ mìn;
- Quy định về canh gác mìn;
- Biện pháp kiểm tra sau nổ mìn và xử lý mìn câm;
- Các quy định bổ sung về biện pháp xử lý, ứng phó khi gặp sự cố về thời tiết, cản trở khác trong các khâu khoan, nạp...;
- Các hướng dẫn khác để tăng cường an ninh, an toàn (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Trình tự thực hiện, thủ tục kiểm soát các bước;
- Quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng nhóm trong các khâu khoan, nạp, nổ và xử lý sau khi nổ mìn;
- Các quy định về báo cáo, ghi chép các sự kiện bất thường nhưng chưa đến mức xảy ra sự cố trong đợt nổ mìn; các ghi chép về sự cố nếu có (các nội dung này ghi ở phần kết quả nổ mìn trong hồ chiếu);
- Các quy định kỷ luật nội bộ khi có vi phạm;

- Hiệu lực của Phương án và ngày sửa đổi, bổ sung;
- Tên người lập phương án, người duyệt; cơ quan phê duyệt (nếu có).

PHÊ DUYỆT
(Lãnh đạo phụ trách kỹ thuật)

NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN
(Chỉ huy nổ mìn hoặc chỉ huy công trường...)

Ghi chú:

Phương án nổ mìn các dạng đặc biệt khác (dưới nước, phá dỡ công trình, nổ trong giếng khoan dầu khí...) có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế.

PHỤ LỤC VII

MẪU HỘ CHIẾU NỔ MÌN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Mẫu 1. Mẫu hộ chiếu nổ mìn lộ thiên

Đơn
vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công trường, phân xưởng:.....

HỘ CHIẾU NỔ MÌN LỘ THIÊN

Số :...../...../ 20....../ HCNM

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. ĐỊA ĐIỂM NỔ:

II. THỜI ĐIỂM NỔ: Nổ mìn vào hồi :h..... phút ngày.....tháng...năm 20....

III. LOẠI ĐẤT ĐÁ: Đất đá loại :

Độ cứng: f =

IV. THÔNG SỐ BÃI NỎ

[illegible]

- Chỉ tiêu thuốc nổ kỳ trước (q_{tt} ; kg/m³).....

- Chỉ tiêu thuốc nổ lựa chọn cho đợt nổ (q_{TT} ; kg/m^3) với đường kính lỗ khoan:

.....

V. VẬT LIỆU NỎ SỬ DỤNG

.....

.....

.....

.....

VI. PHẦN TÍNH TOÁN LƯỢNG VLNCN

[illegible]

Lưu ý: Những nhóm lỗ mìn đường kính $< 65 \text{ mm}$ và có các thông số D_K, H, a, b, W như nhau thì cho phép tính lượng thuốc nổ của một lỗ đại diện và các lỗ trong nhóm chỉ cần thể hiện ở cột TT (từ số ... đến số). Trường hợp khi tính toán nổ mìn ốp, phải thể hiện thể tích, số lượng hòn đá và lượng thuốc nổ, phụ kiện nổ cho từng hòn đá phải nổ ốp.

- Tổng lượng đá phá ra $V = \dots\dots\dots (\text{m}^3)$

- Tổng lượng thuốc nổ các loại $Q = \dots\dots\dots (\text{kg})$

- Tính toán dòng điện qua kíp bảo đảm $I \geq 1,3\text{A}$ với dòng 1 chiều, $I \geq 2,5\text{A}$ với dòng xoay chiều.

.....
.....
.....

VII. SƠ ĐỒ KHỞI ĐỘNG BÃI NỔ (SƠ ĐỒ ĐẦU) VÀ MẶT CẮT LỖ MÌN

VIII. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO

.....
.....
.....
.....

Chỉ huy thi công nổ ký xác nhận VLNCN thừa:

IX. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu bắt đầu nạp mìn.....

- Tín hiệu khởi nổ

- Tín hiệu báo yên.....

X. KHOẢNG CÁCH AN TOÀN

- Khoảng cách từ công trình hiện hữu gần nhất đến bãi nổ(mét)

- Khoảng cách từ thiết bị không thể di chuyển được đến bãi nổ(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho người: R(Người)(mét)
- Chọn khoảng cách an toàn cho công trình và thiết bị : R(TB)(mét)

XI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

.....

.....

.....

XII. PHÂN CÔNG NHÂN SỰ THI CÔNG BÃI NỔ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Nạp từ lỗ số	L _b (m)	Ký nhận
1						
2						
....						
....						

XIII. SƠ ĐỒ BỐ TRÍ GÁC, NƠI ẨN NẬP, DI CHUYỂN MÁY (Phải bảo đảm người, thiết bị di chuyển khỏi bán kính nguy hiểm và cắt điện trước giờ nổ mìn 20 phút. Sơ đồ di chuyển người, thiết bị máy móc phải thể hiện đầy đủ các khoảng cách từ bãi nổ đến các trạm gác, công trình nằm trong vùng nguy hiểm, các thiết bị phải di chuyển ra khỏi vùng bán kính nguy hiểm và vị trí điểm hỏa)

XIV. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận
1					
2					
...					

XV. KẾT QUẢ NỔ MÌN: (Chỉ huy nổ mìn ghi lại kết quả sau khi kiểm tra bãi nổ)

.....

.....

.....
.....
.....
Vụ nổ kết thúc vào lúc ngày..... tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH AN
TOÀN BÃI NỔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ
DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Khi lập Hộ chiếu nổ mìn lộ thiên có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực nổ mìn nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này

Mẫu 2. Mẫu hộ chiếu nổ mìn hầm/lò

Đơn
vị:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công trường, phân xưởng:.....

HỘ CHIẾU NỔ Mìn HÀM /LÒ

Số:...../...../ 20.....

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I.VỊ TRÍ NỔ:

.....

II. ĐẤT ĐÁ LOẠI:

.....

III. SƠ ĐỒ PHÂN BỐ LỖ KHOAN CỦA GƯƠNG NỔ, NẠP THUỐC VÀ ĐẦU NỔ

IV. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG (của một ca hoặc một kíp sản xuất)

.....

.....

.....

.....

V. BẢNG LÝ LỊCH LỖ MÌN

Nhóm lỗ khoan	Số lỗ khoan (lỗ)	Chiều sâu lỗ khoan (m)	Độ nghiêng lỗ khoan		Lượng thuốc nạp một lỗ		Kíp nổ (cái/lỗ)	Tổng thuốc nổ trong nhóm lỗ khoan		Tổng kíp nổ trong nhóm lỗ khoan (cái)	Ghi chú
			Bằng (độ)	Cạnh (độ)	Thuốc nổ 1 (Kg)	Thuốc nổ 2 (Kg)		Thuốc nổ 1 (Kg)	Thuốc nổ 2 (Kg)		
Từ lỗ											
...											
....											

VI. QUY ĐỊNH HIỆU LỆNH NỔ MÌN

- Tín hiệu thi công mìn:.....
- Tín hiệu nổ mìn:
- Tín hiệu báo yên:.....

VII. PHÂN CÔNG GÁC MÌN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổ, Đội	Trạm gác số	Ký nhận
-----	-----------	---------	---------	-------------	---------

1					
2					
...					
...					

VIII. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ NỔ MÌN, TRẠM GÁC MÌN, NƠI TRÁNH MÌN, VỊ TRÍ KHỞI NỔ

IX. VẬT LIỆU NỔ THỪA TRẢ VỀ KHO

.....

.....

.....

.....

Chỉ huy nổ mìn ký xác nhận:.....

X. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

.....

.....

XI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NỔ MÌN

1.Đánh giá công tác thực hiện hộ chiếu khoan:.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

.....

.....

.....

NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH AN
TOÀN BẦY NỔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ
DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Khi lập Hộ chiếu nổ mìn hầm/lò có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại gương nổ nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này;

- Trường hợp nổ mìn trong hầm/lò tại khu vực có nguy cơ phát sinh khí nổ (CH--4) phải bổ sung nội dung công tác kiểm soát khí trước và sau khi nổ mìn (sau mục V)

CÔNG TÁC KIỂM SOÁT KHÍ TRƯỚC VÀ SAU KHI NỔ Mìn

Kết quả đo khí trong ca								
Hàm lượng khí (%)	Trước khi nổ mìn				Sau khi nổ mìn			
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4
CH ₄								
CO ₂								
CO								
Người đo ký tên								

+ Thay đổi cột ký xác nhận Mẫu 2 Phụ lục VII bằng:

NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TRỰC CA
DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

QUẢN ĐỐC
(Ký xác nhận sau khi nổ
mìn và ghi rõ họ tên)

Mẫu 3. Mẫu hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí

Đơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Vị:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘ CHIẾU NỔ Mìn GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ

Số:

ngày tháng năm 20.....

Theo phương án nổ mìn số ngày.....tháng..... năm

I. VỊ TRÍ NỔ Mìn

- Giàn khoan, giếng:.....

- Phương thức sử dụng:.....

- Đơn vị chủ giếng:.....

II. THỜI GIAN NỔ Mìn:

III. BẢNG LÝ LỊCH LỖ Mìn

Giếng khoan		Thiết bị/súng		Đạn, đầu nổ, dây dẫn nổ, hẹn giờ				Kíp, ngòi nổ, môi			Ngày đầu nổ
Vị trí nổ theo độ sâu (m)	Chiều dài vỉa, nếu có (m)	Model, Sêri	Số lượng	Mã số	Tên gọi	Số lượng (viên, cái, lắp ráp feet)	Ngày lắp ráp	Mã số	Tên gọi	Số lượng (cái)	
....											
....											

Người kiểm soát đầu nổ:.....

IV. VẬT LIỆU NỔ SỬ DỤNG

Loại VLNCN	Số lượng VLNCN tiêu thụ						Thừa trả về kho
	Lần 1	Lần ..	Lần ...	Lần ..	Lần ...	Lần ...	
Đạn							

Dây							
Môi							
Hẹn giờ							
Kíp, ngòi,							
Phương tiện nổ khác							

V. SƠ ĐỒ NẠP MÌN (đạn, cấu kiện, kíp nổ...)

VI. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT AN TOÀN

.....

.....

.....

.....

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THI CÔNG NỔ MÌN

1. Đánh giá công tác phối hợp thực hiện giàn/tàu khoan:

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá kết quả nổ mìn:

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI LẬP HỘ
CHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỈ HUY NỔ Mìn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH KỸ
THUẬT DUYỆT
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN GIÀN/TÀU
KHOAN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Khi lập Hộ chiếu nổ mìn giếng khoan dầu khí có thể thay đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với điều kiện thực tế nổ mìn của giếng khoan nhưng phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo Mẫu 3 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

PHỤ LỤC VIII

NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG CỨU KHẨN CẤP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

1. Mục đích của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

2. Phạm vi của Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

3. Phân loại các tình huống khẩn cấp

Phân loại và phương pháp phát hiện các tình huống khẩn cấp.

4. Các tình huống khẩn cấp

5. Sơ đồ tổ chức và nguồn lực ứng cứu

a) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, trách nhiệm của từng cá nhân, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;

b) Mô tả các nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu hiệu quả các tình huống khẩn cấp.

6. Quy trình ứng cứu các tình huống cụ thể

a) Các hành động khi phát hiện tình huống khẩn cấp;

b) Xác định các tác động có thể gây nguy hiểm đối với người và phương tiện, thiết bị tại hiện trường và các vị trí, sơ đồ thoát hiểm; quyết định cần thiết khi phải sơ tán;

c) Quy trình ứng cứu sự cố các tình huống cụ thể: An ninh, an toàn, thiên tai.

7. Thông tin liên lạc, báo cáo

a) Sơ đồ thông tin liên lạc nội bộ và bên ngoài;

b) Liên lạc và báo cáo cơ quan có thẩm quyền; huy động nguồn lực bên trong và bên ngoài của cơ sở;

b) Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan.

8. Báo cáo

a) Quy trình báo cáo;

b) Biểu mẫu báo cáo.

9. Huấn luyện, diễn tập

a) Huấn luyện;

b) Diễn tập.

10. Công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả của sự cố.

11. Kế hoạch khắc phục hậu quả, khôi phục hoạt động của máy, thiết bị, công trình đã xảy ra sự cố.

PHỤ LỤC IX

MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Mẫu 1: Báo cáo định kỳ của tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾, ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾ báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾ từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động:

a) Chung loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu trong kỳ:⁽⁵⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1		Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	...	...	Kíp thứ n			
1	...										
2	...										
....	...										
....	...										
	06 tháng										
	Cả năm										

b) Chung loại, số lượng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đã sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	...							
2	...							
....	...							
....	...							
	06							

	tháng							
	Cả năm							

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;

b) Đánh giá rủi ro (nếu có);

c) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);

d) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;

đ) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁷⁾.....;
- Lưu:⁽⁸⁾.....,

.....⁽⁶⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾- Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

⁽²⁾- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽³⁾- Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);

- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp);
- (5)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- (6)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (7)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (8)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 2. Báo cáo định kỳ của tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾, ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾ là tổ chức⁽⁵⁾do⁽⁶⁾ báo cáo tình hình hoạt động⁽³⁾ từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động:

a) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁷⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1		Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	...	...	Kíp thứ n			

1	...										
2	...										
....	...										
....	...										
	06 tháng										
	Cả năm										

b) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ:

TT	Tháng	NH_4NO_3 (Kg)	CH_3NO_2 (Kg)	NaNO_3 (Kg)	KNO_3 (Kg)	NaClO_3 (Kg)	KClO_3 (Kg)	KClO_4 (Kg)
1	...							
2	...							
....	...							
....	...							
	06 tháng							
	Cả năm							

c) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho).

2. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

a) Ban hành các nội quy, quy trình, quy định;

b) Đánh giá rủi ro (nếu có);

c) Phương án nổ mìn (nếu có);

d) Hộ chiếu nổ mìn (nếu có);

đ) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (nếu có);

e) Bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ;

g) Thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nếu có);

h) Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

5. Các đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁹⁾.....;
- Lưu:⁽¹⁰⁾.....,

.....⁽⁸⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

(1)- Tên tổ chức báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

(2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);

(3)- Loại hình hoạt động (Ví dụ: Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp);

(4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);

(5)- Loại hình hoạt động của tổ chức (Ví dụ: Khai thác khoáng sản; thi công công trình; sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp);

(6)- Tên tổ chức cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp). Đối với trường hợp sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp không phải thực hiện nội dung này;

(7)- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

(8)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;

(9)- Tên các tổ chức có liên quan;

(10)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 3. Báo cáo định kỳ của Sở Công Thương

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh từ đến như sau:

1. Tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố:

a) Số lượng tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (báo cáo chi tiết các đối tượng sử dụng tương ứng với loại hình hoạt động); ⁽³⁾

TT	Loại hình hoạt động của tổ chức	Số lượng tổ chức	Số lượng Giấy phép	Cơ quan cấp phép		
				Bộ Công Thương	Bộ Quốc phòng	Sở Công Thương
1	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản trên đất liền					
2	Thi công công trình					
3	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trên biển					
4	Nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm					
5	Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp					

	cho mục đích khác					
6	Sử dụng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp					

b) Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ: ⁽⁴⁾

TT	Tháng	Thuốc nổ (Kg)			kíp nổ (cái)				Dây cháy chậm (m)	Dây nổ (m)	Dây dẫn nổ các loại (m)
		Thuốc nổ 1		Thuốc nổ (n)	Kíp thứ 1	...	...	Kíp thứ n			
1	...										
2	...										
....	...										
....	...										
	06 tháng										
	Cả năm										

c) Chủng loại, số lượng tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đã sử dụng trong kỳ:

TT	Tháng	NH ₄ NO ₃ (Kg)	CH ₃ NO ₂ (Kg)	NaNO ₃ (Kg)	KNO ₃ (Kg)	NaClO ₃ (Kg)	KClO ₃ (Kg)	KClO ₄ (Kg)
1	...							
2	...							
....	...							
....	...							
	06 tháng							
	Cả năm							

d) Kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho):

đ) Kho bảo quản tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (số lượng kho, tổng công suất kho):

e) Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp:

2. Các tai nạn, sự cố liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp:

3. Các vụ thất thoát, mất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

- Tên tổ chức:

- Địa chỉ:

- Loại hình hoạt động (sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp...):

- Số lượng mất:

- Nguyên nhân:

- Hình thức đã xử lý:

4. Các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp:

5. Các đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

⁽¹⁾- Tên Sở Công Thương;

⁽²⁾- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);

⁽³⁾- Chi tiết các đơn vị hoạt động vật liệu nổ công nghiệp với các loại hình(Ví dụ: Công ty A, khai thác đá);

⁽⁴⁾- Có thể chỉnh sửa, bổ sung số lượng cột tại các bảng để báo cáo đầy đủ số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

⁽⁵⁾- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;

⁽⁶⁾- Tên các tổ chức có liên quan;

⁽⁷⁾- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 4. Báo cáo đột xuất của tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm 20..

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾..... báo cáo tình hình⁽³⁾..... như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):

2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:

3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1)- Tên tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;
- (2)- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- (3)- Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp);
- (4)- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);
- (5)- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- (6)- Tên các tổ chức có liên quan;
- (7)- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

Mẫu 5. Báo cáo đột xuất của Sở Công Thương

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....⁽²⁾, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Về tình hình⁽³⁾

Kính gửi:⁽⁴⁾

Thực hiện quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾ báo cáo tình hình⁽³⁾ như sau:

1. Nội dung sự việc (trình bày diễn biến, hậu quả sự việc):
2. Nguyên nhân khách quan, chủ quan:
3. Các biện pháp khắc phục:

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁶⁾.....;
- Lưu:⁽⁷⁾.....,

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾- Tên Sở Công Thương (Ví dụ: Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh);
- ⁽²⁾- Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Ví dụ: Quảng Ninh);
- ⁽³⁾- Tình huống đột xuất (Ví dụ: Thất thoát vật liệu nổ công nghiệp);
- ⁽⁴⁾- Cơ quan tiếp nhận báo cáo (Ví dụ: UBND tỉnh Quảng Ninh);
- ⁽⁵⁾- Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽⁶⁾- Tên các tổ chức có liên quan;
- ⁽⁷⁾- Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.

PHỤ LỤC X

MẪU THÔNG BÁO SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO

Về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi:⁽²⁾.....

Thực hiện quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp,⁽¹⁾ thông báo việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như sau:

1. Vị trí, phạm vi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....

.....

2. Khoảng cách gần nhất từ vị trí nổ mìn đến công trình, khu dân cư lân cận:

.....

3. Phương pháp nổ mìn:

.....

4. Quy mô nổ mìn:

.....

5. Giờ nổ mìn trong ngày (đối với nổ mìn lộ thiên):

.....

6. Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:

.....

7. Các biện pháp an toàn khi nổ mìn:

.....

8. Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc Giấy phép dịch vụ nổ mìn;

- Bản sao phương án nổ mìn;

- Bản sao Hợp đồng dịch vụ nổ mìn đối với các tổ chức có giấy phép dịch vụ nổ mìn;

- Danh sách người liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-⁽⁴⁾.....;
-⁽⁵⁾.....;
- Lưu:⁽⁶⁾.....,

.....⁽³⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- ⁽¹⁾- Tên tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽²⁾- Tên Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- ⁽³⁾ - Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký;
- ⁽⁴⁾ - Sở Công Thương nơi tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- ⁽⁵⁾ - Tên các tổ chức có liên quan;
- ⁽⁶⁾ - Tên viết tắt của bộ phận báo cáo.